

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1198/QĐ-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 674/TTr-SVHTTDL ngày 27 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành (cấp tỉnh), 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (cấp tỉnh), 14 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (cấp tỉnh); 01 thủ tục hành chính mới ban hành (cấp xã), 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (cấp xã), 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (cấp xã) trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2027.

Thay thế 02 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) có thứ tự số 9,10 mục III phần I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch UBND thành phố; Thay thế 01 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) có thứ tự số 103 mục XIV, phần I, Phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố.

Thay thế 02 thủ tục hành chính (cấp xã) có thứ tự số 1, 2 mục I, phần I, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch UBND thành phố

Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) có thứ tự số 99, 102, 105, 106 mục XIV, phần I, Phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố; Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) có thứ tự số 2 mục I, Phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của Chủ tịch UBND thành phố; Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) có số thứ tự 6 mục V, phần I, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND thành phố; Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) tại Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch UBND thành phố; Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) tại Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND thành phố; Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) có thứ tự số 6,7 mục I, phần I, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Chủ tịch UBND thành phố; Bãi bỏ 0 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) có thứ tự số 11 mục III, phần I, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch UBND thành phố

Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (cấp xã) có thứ tự số 01 (B) phần I, Phụ lục , ban hành kèm theo Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Chủ tịch UBND thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ VH-TT-DL;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Trung tâm PVHCC;
- Công TTĐT thành phố;
- TTTT&GSĐHTM (IOC);
- VNPT Đà Nẵng;
- Lưu: VT, HCC, SVHTTDL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ
TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI VÀ BỊ BÃI BỎ CẤP TỈNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
I	LĨNH VỰC BÁO CHÍ								
1	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử (cho cơ quan báo chí		10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ.	-Trực tuyến, qua dịch vụ Bưu chính. - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	-Luật Báo chí số 103/2016/QH13. -Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND thành phố	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	của địa phương)			thành phố/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.		in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san. -Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.			
II	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ								
2	Thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh		10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính	-Trực tuyến, qua dịch vụ Bưu chính. - Trực tiếp tại Trung	Không có	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13; -Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (cho cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố)		thức hồ sơ.	tâm Phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.		<p>cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;</p> <p>-Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;</p> <p>-Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<p>-Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;</p> <p>-Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết</p>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						một số điều của Luật Quảng cáo; -Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
I	LĨNH VỰC BÁO CHÍ								
1	Thủ tục chấp thuận thay đổi	1.013784.H17	10 ngày làm việc	-Trực tuyến, qua	Không quy định	-Luật Báo chí số 103/2016/QH13.	Sở Văn hóa,	Sở Văn hóa,	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí (cho cơ quan báo chí của địa phương)		kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ.	dịch vụ Bưu chính. - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.		-Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san. -Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp	Thể thao và Du lịch	Thể thao và Du lịch	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. -Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.			
II	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH								
2	Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	2.001740. H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	-Trực tuyến, qua dịch vụ Bưu chính. - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm	Không có	-Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				Phục vụ hành chính công cấp xã.		19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<p>02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>-Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>-Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày</p>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<i>18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</i>			
3	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	2.001737. H17	03 ngày làm việc	-Trực tuyến, qua dịch vụ Bưu chính. - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	-Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<p>phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;</p> <p>-Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt</p>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<p>động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>-Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>-<i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</i></p>			

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Lĩnh vực	Quyết định công bố
01	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.000963.H17	Văn hóa	Quyết định số 5037/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2025
02	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.001029.H17	Văn hóa	Quyết định số 776/QĐ-BVHTTDL ngày 07/4/2026
03	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.001008.H17	Văn hóa	Quyết định số 776/QĐ-BVHTTDL ngày 07/4/2026
04	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.000922.H17	Văn hóa	Quyết định số 5037/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2025
05	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	1.013786.H17	Báo chí	Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025
06	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	1.013787.H17	Báo chí	Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025
07	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	1.013783.H17	Báo chí	Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025
08	Cho phép hợp báo trong nước (địa phương)	2.001171.H17	Báo chí	Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025
09	Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương)	2.001173.H17	Báo chí	Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Lĩnh vực	Quyết định công bố
10	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	1.003725.H17	XB, I & PH	Quyết định số 2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2025
11	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.003114.H17	XB, I & PH	Quyết định số 893/QĐ-BVHTTDL ngày 21/4/2026
12	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.008201.H17	XB, I & PH	Quyết định số 893/QĐ-BVHTTDL ngày 21/4/2026
13	Cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	1.004260.H17	XB, I & PH	Quyết định số 999/QĐ-BVHTTDL ngày 04/5/2026
14	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh)	1.014861.H17	PTTH& TTĐT	Quyết định số 304/QĐ-BVHTTDL ngày 11/02/2026

Phần II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, SỬA ĐỔI VÀ BỊ BÃI BỎ CẤP XÃ

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
I	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH								

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
1	Khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm		03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>-Trực tuyến, qua dịch vụ Bưu chính.</p> <p>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	Không có	<p>- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;</p> <p>-Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;</p> <p>-Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12</p>	UBND cấp xã	UBND cấp xã	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<p>năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.</p> <p>-Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.</p>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						-Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
I	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH								
1	Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	3.000569.H17	05 ngày làm việc kể từ ngày	-Trực tuyến, qua dịch vụ Bưu chính.	Không quy định	-Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;	Phòng Văn hóa Xã hội	Phòng Văn hóa Xã hội	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
			nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.		<p>-Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;</p> <p>-Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;</p>	thuộc UBND cấp xã	thuộc UBND cấp xã	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<p>-Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>-Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p><i>-Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm,</i></p>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<i>đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</i>			
2	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	3.000570. H17	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	-Trực tuyến, qua dịch vụ Bưu chính. - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	-Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP	Phòng Văn hóa Xã hội thuộc UBND cấp xã	Phòng Văn hóa Xã hội thuộc UBND cấp xã	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						<p>ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;</p> <p>-Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>-Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi</p>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.			

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Lĩnh vực	Quyết định công bố
01	Thủ tục hành chính liên thông điện tử về cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.014475.H17	Văn hóa	Quyết định số 776/QĐ-BVHTTDL ngày 07/4/2026